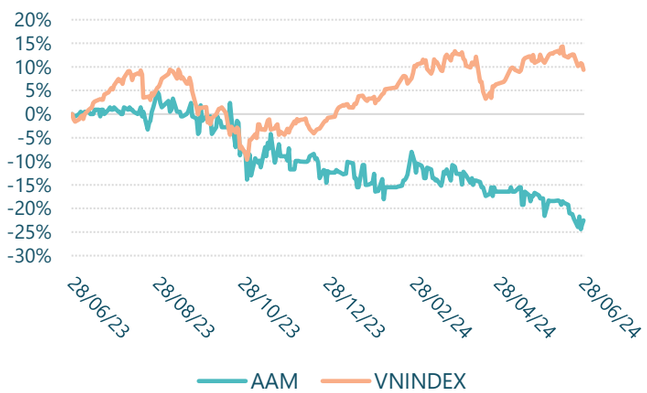
CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	8,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-5.2%	**-11.3%**	**-12.1%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,050 - 11,150
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	10,451,182
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,835
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	0.22
EPS	-486
P/E	-17.0

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

34.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.60 | -1.7%

YoY: ▼6.50 | -16.0%

Nợ/VCSH

Q2/24

7.6%

YoY: +/-▲ 2.4%

LN gộp

Q2/24

-0.15

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.61 | 79.6%

YoY: ▼1.19 | -115%

ROE (TTM)

Q2/24

-2.5%

YoY: +/-▼ 1.3%

LN trước thuế

Q2/24

-1.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.58 | 28.2%

YoY: ▼2.59 | -235%

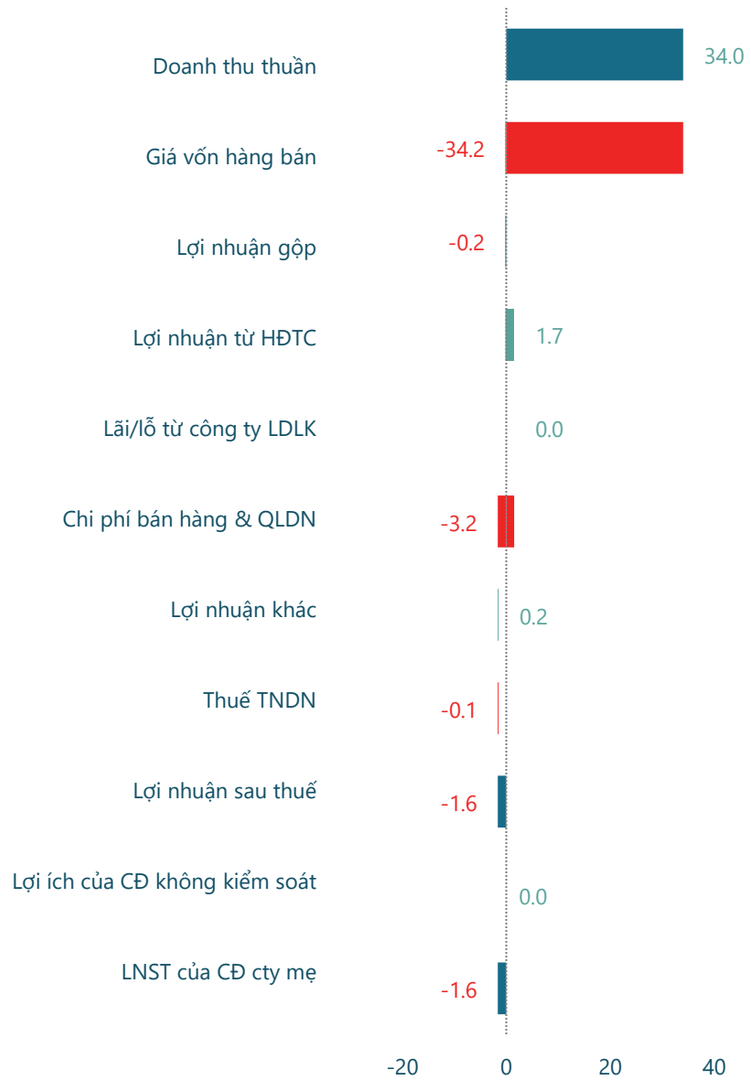
ROA (TTM)

Q2/24

-2.4%

YoY: +/-▼ 1.2%

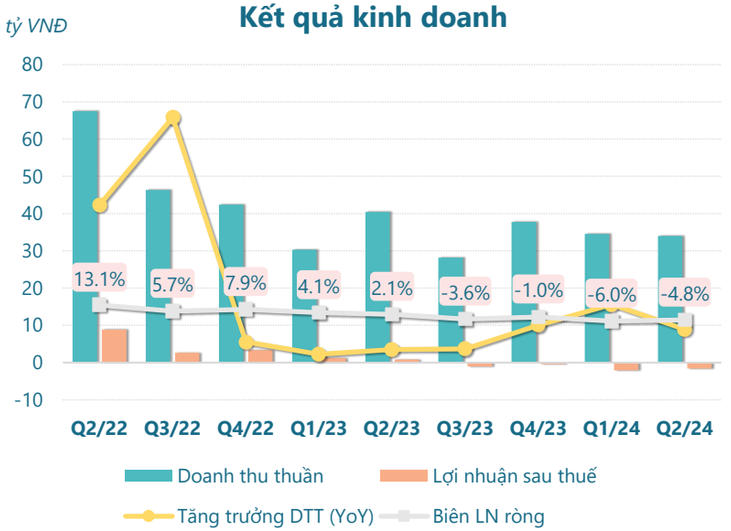
Kết quả kinh doanh Q2/24



CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

FireAnt

Kết quả kinh doanh



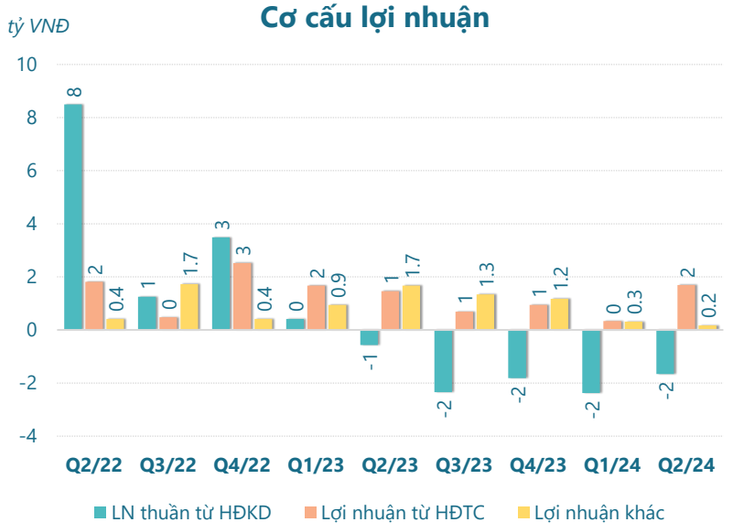
Kết quả kinh doanh của **AAM** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **34.00 tỷ đồng** giảm đi **16.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 1.62 tỷ đồng**, **giảm sút 288%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **69.00 tỷ đồng** thấp hơn 2.82% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **69.00 tỷ đồng** thấp hơn 2.82% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -4.00 tỷ đồng** thấp hơn

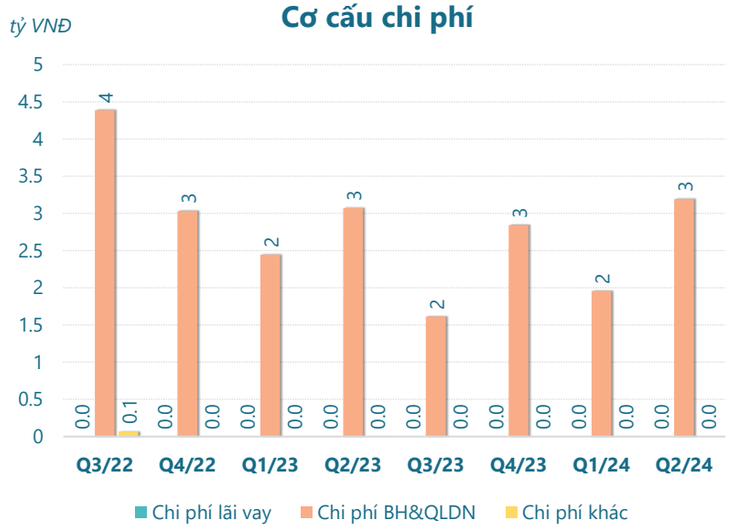
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 0.72 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 1.09 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 1.69 tỷ đồng**, tăng thêm 397% so với kỳ trước và cao hơn 15.8% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.17 tỷ đồng**, giảm đi 45.2% so với kỳ trước và thấp hơn 89.8% so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận



Cơ cấu chi phí



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **3.19 tỷ đồng** tăng thêm 63.6% so với kỳ trước và cao hơn 3.91% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thủy sản Mekong (HSX: AAM)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**34.0**	**34.6**	**-1.7%**	**40.5**	**-16.0%**	**68.6**	**70.8**	**-3.1%**
Giá vốn hàng bán	34.2	35.3	-3.2%	39.4	-13.3%	69.5	68.6	1.4%
Lợi nhuận gộp	-0.15	-0.76	79.6%	1.04	-115%	-0.92	2.23	-141%
Doanh thu HĐTC	1.69	0.34	397%	1.48	14.1%	2.02	3.17	-36.1%
Chi phí TC	0	0.00		0.02	-100%	0	0.05	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.91	0.75	155%	1.42	34.8%	2.66	2.17	22.7%
Chi phí QLDN	**1.28**	**1.21**	**5.7%**	**1.65**	**-22.5%**	**2.49**	**3.34**	**-25.7%**
LN thuần từ HĐKD	-1.66	-2.38	30.2%	-0.57	-191%	-4.04	-0.16	-2395%
Lợi nhuận khác	**0.17**	**0.31**	**-43.9%**	**1.67**	**-89.6%**	**0.48**	**2.61**	**-81.5%**
LN trước thuế	-1.49	-2.07	28.2%	1.10	-235%	-3.56	2.45	-245%
Lợi nhuận sau thuế	**-1.62**	**-2.07**	**21.9%**	**0.86**	**-288%**	**-3.69**	**2.10**	**-276%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-1.62**	**-2.07**	**21.9%**	**0.86**	**-288%**	**-3.69**	**2.10**	**-276%**

